

Thứ ba, ngày 4 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/2/2020		●	
Tuần 3/2-7/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi giảm mạnh liên tiếp trong ba phiên vừa qua, VN-Index đã có nhịp hồi phục nhẹ trong hôm nay. Chịu ảnh hưởng từ việc đà giảm của các TTCK lớn trên thế giới có sự trì hoãn, chỉ số chủ yếu vận động giằng co quanh mốc tham chiếu. Ngành Ngân hàng với các mã CTG, VCB, BID, VPB, MBB quay trở lại với vai trò dẫn dắt và nâng đỡ thị trường, đặc biệt khi CTG tăng trần. Tâm lí hoảng loạn đã phần nào thoái lui, thể hiện qua thanh khoản giảm so với phiên trước. Điểm trừ đến từ việc khối ngoại quay đầu bán ròng mạnh trên sàn HSX.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2006, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/2/2019, phần lớn chứng quyền giảm điểm, trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng 2.7%. 10/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.7%**, con số này của VNINDEX là 0.1%

Phân tích kỹ thuật: CTG_Bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.95 điểm**, đóng cửa 929.09. HNX-Index **+1.26 điểm**, đóng cửa 102.57.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+2.03); VCB (+1.20); BID (+1.07); VPB (+0.63); MBB (+0.56)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.63); SAB (-1.07); GAS (-0.66); VRE (-0.61); POW (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,322 tỷ đồng**, **-23.6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 15.58 điểm. Thị trường có 148 mã tăng, 61 mã tham chiếu và 187 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **211.79 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (59.47 tỷ), VNM (53.25 tỷ) và DXG (22.59 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **24.95 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

929.09

Giá trị: 3322.71 tỷ

0.95 (0.1%)

Khối ngoại (ròng): -211.79 tỷ

HNX-INDEX

102.57

Giá trị: 291.59 tỷ

1.26 (1.24%)

Khối ngoại (ròng): -24.95 tỷ

UPCOM-INDEX

54.74

Giá trị: 157.72 tỷ

0.36 (0.66%)

Khối ngoại(ròng): 4.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.0	1.86%
Giá vàng	1,567	-0.60%
Tỷ giá USD/VND	23,240	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	25,707	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,308	-0.45%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	7.03%
LS TPCP 5 năm	2.3%	1.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	20.3	VIC	-59.5
HDB	19.1	VNM	-53.3
CTG	13.1	DXG	-22.6
VJC	10.2	POW	-21.2
VCB	9.0	STB	-13.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **10/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.7%**, con số này của VNINDEX là 0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **8/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_2.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	2.7%	-3.2%	6.7%	5.1%	17.3%	24.9%	89.5%	21.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.1%	-4.4%	4.5%	0.2%	10.4%	11.9%	45.7%	19.3%
VN FinSelect	1.8%	-4.7%	3.0%	-1.3%	7.3%	7.8%	40.0%	17.8%
VN Diamond	1.2%	-7.0%	-3.0%	-8.0%	4.2%	12.0%	59.4%	17.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.1%	-6.4%	-0.8%	-3.2%	7.6%	28.5%	98.8%	19.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	-7.4%	-4.4%	-9.0%	2.3%	10.5%	62.1%	17.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	-7.9%	-4.4%	-12.0%	-4.9%	-1.0%	45.5%	14.5%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	-4.6%	-3.6%	-7.6%	-3.0%	5.4%	7.1%	18.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-4.4%	-6.1%	-4.0%	-6.7%	5.2%	36.7%	14.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	-7.2%	-4.0%	-7.9%	-1.5%	7.4%	56.3%	15.3%
Dầu khí	-0.2%	-12.4%	-13.2%	-19.2%	-24.2%	-9.7%	5.6%	22.7%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	-8.7%	-7.9%	-17.2%	-13.5%	-4.4%	44.6%	17.4%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.6%	-7.7%	-9.4%	-11.9%	-11.5%	-1.8%	44.1%	16.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	-6.4%	-5.0%	-8.9%	-9.0%	1.6%	71.3%	13.7%
FTSE Việt Nam	-0.9%	-6.1%	-4.3%	-7.9%	-7.5%	3.0%	79.7%	14.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.9%	-9.0%	-8.3%	-13.3%	-17.4%	-14.8%	27.9%	21.1%
Lãi suất giảm	-1.0%	-6.2%	-4.7%	-11.2%	-10.5%	-5.5%	42.0%	17.9%
Chiến tranh thương mại	-1.5%	-8.6%	-8.7%	-15.3%	-17.2%	-7.1%	2.1%	15.5%
Nước & Năng lượng	-1.6%	-10.2%	-11.7%	-15.8%	-14.3%	-7.6%	30.8%	14.4%
Xây dựng	-1.6%	-10.0%	-9.7%	-21.5%	-21.4%	-22.9%	1.6%	18.2%
Ngành Dược	-4.7%	10.1%	7.9%	6.5%	10.0%	17.9%	61.3%	17.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 2	1.2%	-5.5%	-3.0%	-8.8%	-4.6%	8.3%	99.3%	16.1%
Danh mục 17	0.9%	-6.7%	-3.8%	-9.8%	-6.4%	6.4%	120.2%	18.2%
Danh mục 8	0.9%	-7.6%	-5.1%	-6.1%	2.2%	24.6%	88.9%	18.5%
Danh mục 6	-0.8%	-11.7%	-8.1%	-14.1%	-4.8%	4.1%	69.4%	20.9%
Danh mục 5	-1.2%	-10.2%	-9.0%	-12.4%	-9.1%	3.8%	48.3%	17.3%

* Note **8/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 20	1.1%	-7.0%	-6.5%	-9.6%	-1.5%	9.1%	48.4%	16.9%
Danh mục 19	0.3%	-7.3%	-5.8%	-8.8%	-0.1%	13.6%	51.6%	15.3%
Danh mục 21	0.2%	-8.8%	-5.4%	-10.5%	-1.2%	9.0%	48.9%	15.8%
Danh mục 24	-0.3%	-11.7%	-10.8%	-16.6%	-13.1%	9.2%	73.4%	20.5%
Danh mục 22	-0.9%	-9.3%	-7.9%	-11.5%	-4.0%	12.9%	49.8%	16.4%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.1%	-5.8%	-3.6%	-7.2%	-6.8%	2.2%	35.7%	15.4%
VN30INDEX	0.3%	-6.7%	-3.5%	-8.6%	-4.7%	-2.3%	32.6%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

2/4/2020

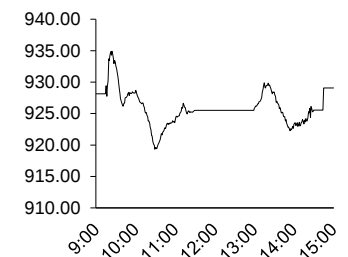
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

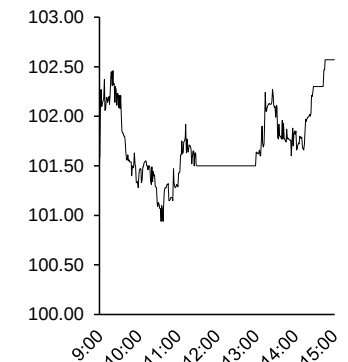
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	-2.4%
Thực phẩm và đồ uống	-2.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.6%
Bán lẻ	-0.8%
Xây dựng và Vật liệu	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.7%
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%
Dầu khí	-0.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.2%
Bất động sản	-0.2%
Hóa chất	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%
Bảo hiểm	0.5%
Công nghệ Thông tin	0.6%
Du lịch và Giải trí	1.1%
Truyền thông	1.4%
Ngân hàng	2.2%
Viễn thông	7.0%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

CTG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: CTG đang tiếp tục trạng thái tăng giá từ đầu tháng 12 và hầu như không ảnh hưởng nhiều bởi xu thế giảm sâu của thị trường chung từ sau Tết Nguyên Đán. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng tăng. Hôm nay, lực cầu lớn cộng với sự hưng phấn đã đẩy CTG lên mức giá trần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đã quay trở lại vùng quá mua đồng thời cổ phiếu cũng dần tiếp cận ngưỡng kháng cự mạnh tại vùng giá 28. Theo đánh giá của chúng tôi, CTG trong năm nay sẽ có một xu hướng tăng dài hạn, tuy nhiên có thể sẽ có sự điều chỉnh ngắn hạn khi cổ phiếu đi vào khu vực 27.5-28.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 4/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 4/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	49.82	-3.20%	-6.23%	-21.58%	-8.67%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	54.10	-4.43%	-8.79%	-22.11%	-13.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.46	-2.50%	-1.55%	-16.75%	2.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1577.43	-0.62%	-0.27%	0.81%	20.26%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.55	-2.47%	-3.00%	-3.18%	10.65%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	873.74	0.30%	-1.96%	-7.42%	-4.87%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	552.69	-0.35%	-2.68%	0.29%	5.12%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.03	-0.06%	-0.06%	0.35%	22.17%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.00	-6.11%	-7.03%	-13.73%	-18.89%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.89	1.92%	4.79%	8.45%	15.88%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.44	0.00%	-7.22%	-2.40%	-16.44%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.60	-3.95%	-7.50%	-19.28%	-6.63%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.50	-0.58%	-3.53%	-10.40%	-10.51%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3335.00	-7.87%	-9.15%	-10.47%	-14.05%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1722.00	-0.52%	-3.31%	-4.57%	-10.27%		CAV, SAM
Than đá	USD/ton	67.65	0.71%	-0.73%	-2.66%	-30.04%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent giảm 2.17 USD tương đương 3.8% xuống 54.45 USD/thùng, thấp nhất kể từ tháng 1/2019. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.45 USD xuống 50.12 USD/thùng.
- Dịch virus corona bùng phát ảnh hưởng đến nhu cầu nhiên liệu Trung Quốc – nước nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới – khi các cơ sở của nhà máy lọc dầu Sinopec Corp 0386.HK trong tháng 2/2020 cắt giảm khoảng 600,000 thùng/ngày tương đương 12%, mức giảm mạnh nhất trong hơn 1 thập kỷ. Đồng thời, các nhà máy lọc dầu độc lập tại tỉnh Sơn Đông – nơi nhập khẩu khoảng 1/5 lượng dầu thô Trung Quốc – cắt giảm sản lượng từ 30-50% trong hơn 1 tuần. Giá dầu chịu áp lực giảm mạnh bất chấp Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh xem xét cắt giảm thêm 500,000 thùng/ngày.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm hơn 1% xuống 1,576.77 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 0.3% xuống 1,582.4 USD/ounce.
- Giá vàng giảm 1% do đồng USD tăng và các nhà đầu tư lựa chọn tài sản rủi ro hơn, sau khi Trung Quốc thực hiện các biện pháp nhằm giảm áp lực đối với nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona bùng phát. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc bắt ngờ hạ lãi suất và bơm thêm 1.2 nghìn tỉ CNY (171 tỉ USD) vào thị trường tiền tệ, khi nước này nỗ lực hạn chế thiệt hại từ việc kiểm chế du lịch và đóng cửa kinh doanh đối với nền kinh tế. Đồng USD tăng 0.4% so với giỏ tiền tệ chủ chốt khiến chi phí nắm giữ vàng bằng đồng USD trở nên đắt hơn so với tiền tệ khác.

Giá sắt thép

Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm 8% xuống 606.5 CNY (87.85 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cuộn cán nóng giảm 8% xuống 3,246 CNY/tấn. Giá quặng sắt và thép tại Trung Quốc đều giảm, với giá quặng sắt giảm mạnh nhất gần 15 tháng do lo ngại virus corona sẽ hạn chế nhu cầu và tác động đến nền kinh tế toàn cầu.

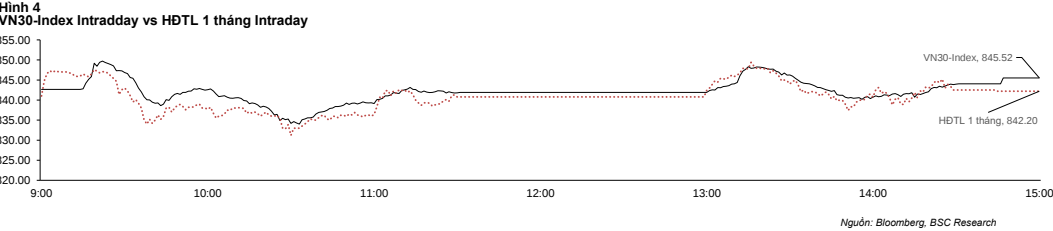
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.3 US cent tương đương 2.1% lên 14.91 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn tăng 11.8 USD tương đương 2.9% lên 418 USD/tấn.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 4.7 US cent tương đương 4.6% xuống 97.95 US cent/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 38 USD tương đương 2.8% xuống 1,304 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn TOCOM giảm 8.2 JPY tương đương 4.5% xuống 173 JPY (1.58 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 1,105 CNY tương đương 9% xuống 11,145 CNY (1,614 USD)/tấn, ngày giảm mạnh nhất kể từ tháng 10/2008. Giá cao su tại Tokyo giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần, trong khi giá cao su tại Thượng Hải giảm hơn 9% trong phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ dài ngày, trong bối cảnh lo ngại virus corona bùng phát sẽ khiến nhu cầu tại nước mua cao su hàng đầu thế giới – Trung Quốc – suy giảm.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	842.20	0.14%	-3.32	6.1%	194912	2/20/2020	18
VN30F2003	845.00	0.12%	-0.52	-51.2%	276	3/19/2020	46
VN30F2006	853.20	-0.44%	7.68	-38.1%	99	6/18/2020	137
VN30F2009	848.00	0.12%	2.48	46.4%	41	9/17/2020	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:
• VN30 Index tăng +2,85 điểm lên mức 845.52 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MBB, VJC, TCB, và CTG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên hôm nay, VN30 chủ yếu vận động tích lũy quanh vùng 840-845 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 835-850 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2006, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	23.45	3.76	1.98
MBB	21.15	3.93	1.53
VJC	129.00	2.79	1.25
TCB	21.75	1.40	0.93
CTG	26.90	6.96	0.80

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	105.0	-3.05	-2.49
SAB	203.0	-2.82	-0.57
VRE	29.3	-3.15	-0.54
NVL	55.0	-1.79	-0.45
MWG	107.9	-0.83	-0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVJC1901	KIS	2/26/2020	22	10:1	520	-69.0%	5.0 triệu	17.73%	1,800	250	66.67%	2.90	86.21
CMBB1905	HSC	4/8/2020	64	2:1	76,030	-76.7%	5.0 triệu	19.82%	1,700	630	34.04%	89.80	7.02
CTCB2001	HSC	6/22/2020	139	2:1	46,000	666.7%	5.0 triệu	22.86%	1,700	1,210	31.52%	436.10	2.77
CMBB1903	SSI	4/22/2020	78	1:1	158,950	-49.8%	3.0 triệu	19.82%	4,000	1,440	23.08%	510.00	2.82
CVNM2001	HSC	6/22/2020	139	10:1	71,300	109.7%	5.0 triệu	20.02%	1,700	830	15.28%	147.30	5.63
CVPB1901	VND	3/5/2020	30	1:1	92,580	-58.9%	2.0 triệu	22.82%	3,500	5,390	12.76%	5,520.10	0.98
CVPB2001	HSC	6/22/2020	139	2:1	40,000	-14.4%	5.0 triệu	22.82%	1,500	2,590	12.12%	1,979.20	1.31
CTCB1902	VND	6/5/2020	122	1:1	42,080	-64.7%	2.0 triệu	22.86%	5,300	2,800	8.11%	1,739.80	1.61
CFPT1906	HSC	4/8/2020	64	5:1	157,000	-76.0%	5.0 triệu	22.35%	1,700	580	7.41%	95.60	6.07
CHPG1909	KIS	5/15/2020	101	2:1	391,070	-41.9%	5.0 triệu	25.98%	1,800	1,330	2.31%	729.10	1.82
CHPG1907	SSI	4/22/2020	78	1:1	33,050	-54.8%	1.0 triệu	25.98%	4,200	4,800	1.69%	3,911.10	1.23
CHPG2001	HSC	6/30/2020	147	2:1	83,450	127.9%	5.0 triệu	25.98%	1,800	1,930	1.05%	1,082.20	1.78
CSTB2001	KIS	6/19/2020	136	1:1	59,090	337.1%	5.0 triệu	19.53%	1,500	1,190	0.00%	253.50	4.69
CVIC1902	SSI	4/22/2020	78	1:1	36,300	1715.0%	1.0 triệu	14.44%	22,700	10,240	-0.29%	3,548.60	2.89
CFPT1908	MBS	6/17/2020	134	3:1	65,420	-82.8%	2.4 triệu	22.35%	3,150	1,800	-4.26%	747.40	2.41
CREE1905	MBS	6/17/2020	134	3:1	516,730	6.0%	2.4 triệu	23.62%	2,150	1,230	-5.38%	327.30	3.76
CVRE1903	KIS	5/15/2020	101	3:1	138,020	-25.6%	4.0 triệu	23.43%	2,700	730	-8.75%	124.00	5.89
CVRE1904	MBS	3/17/2020	42	3:1	235,000	214.5%	1.5 triệu	23.43%	1,550	380	-9.52%	40.60	9.36
CVRE1902	HSC	4/8/2020	64	4:1	360,190	28.9%	5.0 triệu	23.43%	1,300	410	-22.64%	64.00	6.41
CVNM1903	SSI	4/22/2020	78	1:1	20,920	-15.1%	1.0 triệu	20.02%	26,600	5,120	-27.17%	438.00	11.69
CFPT1905	SSI	4/22/2020	78	1:1	72,350	22.5%	1.0 triệu	22.35%	9,900	2,820	-28.61%	1,115.40	2.53
CVNM1906	VND	3/5/2020	30	3:1	129,490	133.4%	1.0 triệu	20.02%	8,100	1,020	-43.02%	88.70	11.50
Tổng:					2,696,050		53.30 triệu	21.98%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:
• Trong phiên giao dịch ngày 4/2/2019, phần lớn chứng quyền giảm điểm, trái chiều với chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CVNM1906 và CFPT1905 giảm mạnh nhất lần lượt là -43.02% và -28.61%. Trại lại, CVJC1901 và CMBB1905 tăng mạnh nhất lần lượt là 66.67% và 34.04%. Thanh khoản thị trường giảm -37.96%. CREE1905 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.12% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC1901	163,678	145,678	129,000
CMBB1905	26,400	23,000	21,150
CTCB2001	26,400	23,000	21,750
CMBB1903	26,000	22,000	21,150
CVNM2001	137,000	120,000	105,000
CVPB1901	21,500	18,000	23,450
CVPB2001	23,000	20,000	23,450
CTCB1902	26,300	21,000	21,750
CFPT1906	65,500	57,000	51,800
CHPG1909	28,280	24,680	24,600
CHPG1907	25,200	21,000	24,600
CHPG2001	27,600	24,000	24,600
CSTB2001	12,499	10,999	10,200
CVIC1902	137,700	115,000	114,800
CFPT1908	63,450	54,000	51,800
CREE1905	41,050	34,600	33,400
CVRE1903	41,189	35,789	29,250
CVRE1904	37,150	32,500	29,250
CVRE1902	37,700	32,500	29,250
CVNM1903	145,580	118,980	105,000
CFPT1905	64,900	55,000	51,800
CVNM1906	130,225	114,025	105,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.9	-0.8%	0.8	2,126	4.2	8,655	12.5	3.9	50.1%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	84.0	1.4%	1.2	822	2.9	5,327	15.8	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.7	0.2%	1.3	1,798	0.8	1,553	35.9	2.5	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	30.9	0.0%	0.8	310	0.3	2,859	10.8	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.8	0.0%	1.0	16,883	7.3	2,268	50.6	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.3	-3.1%	1.1	2,890	2.9	1,224	23.9	2.4	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.0	-1.8%	0.8	2,318	1.4	3,563	15.4	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	33.4	-0.3%	1.0	450	1.2	5,286	6.3	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.7	-1.4%	1.6	242	1.9	2,849	3.8	0.8	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.0	-0.3%	1.4	383	1.3	1,708	10.0	0.9	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.8	0.0%	1.0	192	0.0	4,218	6.4	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.1	-3.2%	1.7	240	0.8	1,421	12.7	1.3	56.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	51.8	0.6%	0.9	1,528	3.7	4,225	12.3	2.6	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	40.1	0.3%	0.4	434	0.0	4,156	9.6	2.4	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	82.0	-1.4%	1.5	6,824	1.4	6,096	13.5	3.2	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.7	-0.6%	1.5	2,625	1.3	3,495	14.5	2.7	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	15.7	0.6%	1.4	326	2.1	1,529	10.3	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.7	4.1%	0.8	1,038	0.8	1,163	6.6	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	101.0	-1.6%	0.5	574	0.3	4,668	21.6	3.9	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.6	3.6%	0.6	197	0.2	902	12.8	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.8	1.2%	0.6	132	0.1	683	8.4	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.8	1.2%	1.2	14,481	4.3	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	54.4	1.7%	1.7	9,513	3.3	2,398	22.7	2.9	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.9	7.0%	1.6	4,355	16.9	2,541	10.6	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	23.5	3.8%	1.2	2,485	4.6	3,370	7.0	1.4	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.2	3.9%	1.2	2,139	8.5	3,480	6.1	1.2	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.2	2.7%	1.2	1,671	2.4	3,686	6.3	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.5	0.7%	0.9	151	0.1	5,165	8.2	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	28.5	0.0%	0.3	122	0.1	4,167	6.8	1.1	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	13.8	-5.5%	1.1	594	0.0	732	18.9	1.0	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.6	0.2%	1.0	2,953	8.6	2,581	9.5	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.0	-3.4%	1.8	146	1.9	1,161	6.9	0.6	18.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	105.0	-3.0%	0.8	7,950	8.7	5,478	19.2	6.6	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	203.0	-2.8%	0.8	5,660	1.5	7,477	27.1	6.9	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.0	0.0%	1.1	2,541	1.6	4,772	10.5	1.4	39.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	17.8	-1.1%	0.4	454	0.8	508	35.1	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	55.0	-6.3%	0.8	5,206	0.6	2,630	20.9	3.9	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	129.0	2.8%	1.1	2,938	1.5	7,889	16.4	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	26.7	-1.1%	1.7	1,646	1.3	1,640	16.3	2.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	18.8	-0.8%	0.9	243	0.3	1,595	11.8	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	12.7	-3.4%	0.5	155	0.7	2,421	5.2	0.9	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.2	-2.0%	1.1	440	0.4	8,824	7.2	2.9	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	-0.3%	0.7	336	0.2	1,454	11.9	1.2	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.2	2.2%	0.8	236	0.0	1,953	7.3	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	50.1	-4.0%	0.9	166	0.6	8,858	5.7	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.3	0.0%	1.0	486	0.1	1,567	16.1	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.2	-0.2%	0.4	261	0.3	1,750	13.8	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	9.5	-4.9%	0.6	967	1.6	1,064	8.9	0.9	13.4%	7.8%
NT2	Điện	19.0	1.6%	0.5	238	0.2	2,577	7.4	1.3	18.4%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	26.90	6.96	1.90	14.85MLN
VCB	89.80	1.24	1.19	1.12MLN
BID	54.40	1.68	1.05	1.41MLN
VPB	23.45	3.76	0.61	4.57MLN
MBB	21.15	3.93	0.55	9.46MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	2.65	0.97	2.40MLN
SHB	6.80	4.07	0.36	7.89MLN
NET	50.90	9.46	0.07	1100.00
DNP	18.10	3.43	0.04	24500.00
VIX	5.80	7.41	0.03	20000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	105.00	-3.05	-1.67	1.87MLN
SAB	203.00	-2.82	-1.10	167140.00
GAS	82.00	-1.44	-0.67	376400.00
VRE	29.25	-3.15	-0.64	2.24MLN
POW	9.50	-4.90	-0.33	3.64MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHT	53.00	-9.86	-0.09	56100.00
VIF	18.50	-9.76	-0.07	6000.00
AMV	20.50	-6.82	-0.05	111900.00
SHS	6.50	-4.41	-0.04	564100.00
VCS	63.20	-2.02	-0.04	159000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APG	10.70	7.00	0.01	682740.00
CLL	26.75	7.00	0.02	4800.00
DTT	13.00	7.00	0.00	1000.00
LGC	42.25	6.96	0.15	10.00
CTG	26.90	6.96	1.90	14.85MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNM	12.10	10.0	0.00	3300.00
HKT	3.30	10.0	0.00	100.00
CIA	13.60	9.7	0.01	6600.00
API	18.30	9.6	0.02	300.00
DZM	2.30	9.5	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LDG	6.12	-6.99	-0.03	5.75MLN
D2D	48.10	-6.96	-0.02	279150.00
FIT	7.49	-6.96	-0.04	490160.00
DPG	24.15	-6.94	-0.02	430230.00
TEG	5.10	-6.93	0.00	100.00

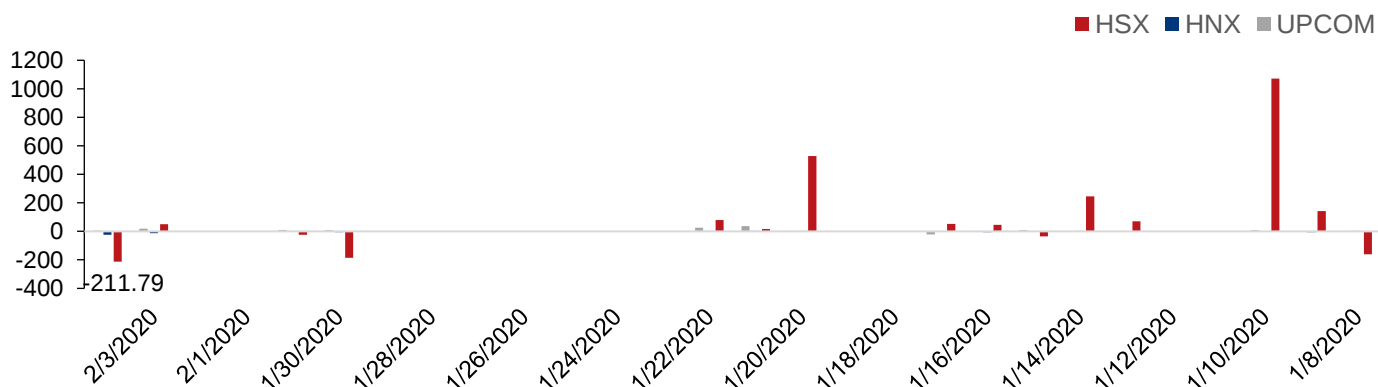
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	42800.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	636000.00
BII	0.70	-12.50	0.00	21000.00
VIG	0.70	-12.50	0.00	32100.00
BST	40.10	-11.87	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.4	5,020	5.5	1.3	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	84.0	5,327	15.8	4.1	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.7	2,421	5.2	0.9	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	153.8	29,035	5.3	4.2	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	12.2	0	34.8	0.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	107.9	8,655	12.5	3.9	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.2	3,686	6.3	1.4	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.0	2,736	4.0	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.8	2,881	7.6	1.2	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.8	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.8	5,004	17.9	3.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	26.0	7,028	3.7	1.4	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	51.8	4,225	12.3	2.6	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.7	3,897	6.1	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	14.8	2,236	6.6	0.7	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.1	2,846	10.2	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.0	4,772	10.5	1.4	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	105.0	5,478	19.2	6.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.0	3,700	5.7	1.3	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	33.4	5,286	6.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn